TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** *Bản án số 09/2023/HNGĐ - ST* *Ngày 09/3/2023* *V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Bá Bảo
2. Ông Đặng Công Ba

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S- Số 25 H, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Đặng Thị M, sinh năm 1994. Nơi cư trú: tổ 48 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số 06 L, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Đặng Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, theo

giấy chứng nhận kết hôn số 57, do Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03.4.2017. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T đam mê cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Vì vậy, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ khoảng cuối năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông T nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: tôi và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung là Nguyễn Hữu Phúc N, sinh ngày 10.02.2018. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu Phúc N cho đến khi con Nguyễn Hữu Phúc N đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

* Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên không thu thập được lời khai của ông trong hồ sơ vụ án và ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Đặng Thị M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Nguyễn Hữu T liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Đặng Thị M đối với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao con Nguyễn Hữu Phúc N, sinh ngày 10.02.2018 cho bà Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Hữu Phúc N đủ 18 tuổi. Do bà Đặng Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hữu Phúc N nên ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Đặng Thị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Nguyễn Hữu T lại vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Đặng Thị M đối với ông Nguyễn Hữu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Stheo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Hữu T kết hôn năm 2017. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, do Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03.4.2017. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị M, thì thấy:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu T vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông, nhưng qua lời trình bày của bà Đặng Thị M và qua xác minh thì được biết sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau tại tổ 48 phường M. Trong thời gian chung sống với nhau giữa 2 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Hữu T hay chơi cờ bạc, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, ồn ào. Vì vậy, ông bà đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải nhưng ông Nguyễn Hữu T thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông Nguyễn Hữu T cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích nên cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị M là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Hữu T có 01 con chung là: Nguyễn Hữu Phúc N, sinh ngày 10.02.2018. Ly hôn, bà Đặng Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu Phúc N cho đến khi con Nguyễn Hữu Phúc N đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Đặng Thị M về việc nuôi con thì thấy, trong thời gian ông bà sống ly thân, bà M là người trực tiếp nuôi con; cháu Nguyễn Hữu Phúc N được bà M chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai vợ chồng đến Tòa để hòa giải, trong đó có hòa giải về trách nhiệm nuôi con chung nhưng ông Nguyễn Hữu T thường xuyên vắng mặt, chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Mặt khác, cháu Nguyễn Hữu Phúc N cũng còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Hữu Phúc N HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Hữu Phúc N cho bà Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hữu Phúc N đủ 18 tuổi.

Bà Đặng Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hữu Phúc N nên ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đặng Thị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, ông Nguyễn Hữu T lại vắng mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX không đề cập giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bà Đặng Thị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đặng Thị M đã nộp tại biên lai thu số 0006543 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị M đối với ông Nguyễn Hữu T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T (giấy chứng nhận kết hôn số 57, do Uỷ ban nhân dân phường N, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 03.4.2017).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu Phúc N, sinh ngày 10.02.2018 cho bà Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Nguyễn Hữu Phúc N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Đặng Thị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đặng Thị M đã nộp tại biên lai thu số 0006543 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát q. S*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *UBND phường N, quận S, TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**